

BÀI 7. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH (1 tiết)

1 Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

1.1. Về kiến thức

- Nhận biết được các khái niệm: Biểu thức, giá trị của biểu thức;
- Nắm được quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

1.2. Về kĩ năng (năng lực)

- Năng lực tính toán: Tính được giá trị của biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.
- Năng lực mô hình hóa và giải quyết vấn đề: Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

1.3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

2 Những điểm cần lưu ý khi chuẩn bị bài giảng

2.1. Chuẩn bị trước khi lên lớp



- Đối với GV: Chuẩn bị máy tính cầm tay (MTCT) hoặc máy tính xách tay có cài phần mềm giả lập máy tính Casio fx-570 ES PLUS, máy chiếu, giấy A0 ghi sẵn nội dung để treo bảng.
- Đối với HS: Ngoài đồ dùng học tập, GV có thể yêu cầu HS mang theo MTCT.

2.2. Vấn đề mới so với SGK trước đây

Nội dung của bài này hầu như không có gì khác biệt so với trước đây, vì vậy khi dạy bài này, hi vọng GV sẽ không gặp khó khăn.

3 Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học chủ yếu

3.1. Thực hiện các cấu phần chính của bài học

CẤU PHẦN (Thời lượng)	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN, ĐÁP ÁN, TRẢ LỜI
Nêu vấn đề (2 phút)	Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.	Đặt vấn đề ngắn gọn, đủ gây chú ý. GV có thể yêu cầu hai HS thực hiện dãy tính $5 + 3 \times 2$. Một HS thực hiện phép tính từ trái qua phải. Một HS thực hiện theo thứ tự ngược lại. Sau khi hai HS cho kết quả, GV nhận xét và chỉ ra HS nào có kết quả như của Tròn, HS nào cho kết quả như của Vuông.
 Đọc hiểu – Nghe hiểu (5 phút) Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức	Nhắc lại (điểm qua điều đã học) một cách ngắn gọn khái niệm biểu thức.	Khái niệm biểu thức đã được dùng nhiều lần ở các lớp dưới và sẽ được nói tới nhiều trong bài học này. GV cũng không cần bắt HS phải học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được một đối tượng cụ thể đã cho có phải là biểu thức hay không. Nhắc lại khái niệm biểu thức cũng là để dẫn dắt tới việc phát biểu các nội dung trong <i>Hộp kiến thức</i> . HĐ này chỉ nên diễn ra trong 5 phút; HS có thể không ghi chép vào vở.
<i>Hộp kiến thức</i> (5 phút)	Hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.	GV nên ghi toàn bộ đoạn nội dung trong <i>Hộp kiến thức</i> vào giấy khổ A0 rồi ghim lên bảng hoặc chiếu từ máy tính xách tay lên màn hình. Yêu cầu HS ghi chép cẩn thận vào vở. GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác.
 (5 phút)	Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức nêu trong <i>Hộp kiến thức</i> .	Yêu cầu HS áp dụng quy tắc vừa ghi để tính $5 + 3 \times 2$ và cho thấy Tròn đã không vận dụng đúng quy tắc, còn Vuông thì có. GV cũng có thể dùng phần mềm giả lập máy tính Casio fx-570 ES PLUS, nhập đúng biểu thức đã cho rồi nhấn phím "=" (chiếu lên màn hình cho HS quan sát). Từ đó kết luận MTCT cũng "vận dụng" đúng quy tắc.

Ví dụ (11 phút)	Minh hoạ nội dung <i>Hộp kiến thức</i>	Yêu cầu tính giá trị hai biểu thức, trong đó biểu thức thứ hai có hơi phức tạp (có hai dấu ngoặc lồng vào nhau). GV có thể cho HS tự giải trong 5 phút rồi trình bày bài chữa (trình bày bảng chi tiết, ngắn gọn để HS vận dụng trong các bài tập tương tự)
Luyện tập 1 (5 phút)	Củng cố quy tắc thứ tự thực hiện các phép tính.	HS tự làm trong vở nháp. GV sử dụng Plickers và mã làm bài thống kê nhanh kết quả làm bài của cả lớp. Chọn 2 HS đại diện, mỗi bạn chữa một ý. GV nhận xét và sửa chữa phần trình bày lời giải của 2 HS đó và yêu cầu cả lớp ghi lời giải.
Vận dụng (5 phút)	Vận dụng vào đời sống	HS làm tại lớp. GV chữa và yêu cầu HS ghi chép phần trình bày lời giải.
Luyện tập 2 (3 phút)	Vận dụng vào đời sống	GV có thể gọi một HS đứng trả lời tại chỗ. Nhận xét và hướng dẫn HS hoàn thành bài Luyện tập.

3.2. Lựa chọn bài tập

- Các Bài tập 1.46 và 1.47 ở mức độ cơ bản và dễ. HS cần nhận biết và phân biệt được các loại dấu ngoặc.
- Bài 1.48 HS có thể gặp khó vì phải hiểu được khái niệm “trung bình”, GV có thể cho HS làm thêm bài tập phụ có tính chất gợi ý, *chẳng hạn*: Biết số sản phẩm bán được trong ba tháng 1; 2 và 3 lần lượt là 1; 2; 9. Hỏi trung bình mỗi tháng bán được bao nhiêu sản phẩm?
- HS dễ “hoang mang” khi đọc đề bài 1.49. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi ý: 1) Chi phí lát sàn bao gồm những khoản nào? (Tiền công lát, tiền gỗ); 2) Để tính tiền công cần biết gì? (Diện tích cần lát; tiền công lát mỗi mét vuông); 3) Sàn được lát bằng mấy loại gỗ? Cách tính số tiền gỗ loại 1, loại 2 dùng để lát sàn.

4 Trả lời/Hướng dẫn/Giải một số bài tập

1.48. $(1\ 264 + 164 \cdot 4) : 12 = 160$ (ti vi).

1.49. Diện tích sàn cần lát: $(105 - 30) \text{ m}^2$;

– Tổng tiền công là $(105 - 30) \cdot 30$ (nghìn đồng);

– 18 m^2 gỗ loại 1 có giá $350 \cdot 18$ (nghìn đồng);

– Còn lại $[(105 - 30) - 18] \text{ m}^2$ gỗ loại 2 có giá là: $170 \cdot [(105 - 30) - 18]$ (nghìn đồng).

– Tổng chi phí: $(105 - 30) \cdot 30 + 350 \cdot 18 + 170 \cdot [(105 - 30) - 18]$

= 18 240 (nghìn đồng)

= 18 240 000 đồng.